

Số: 149/2025/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H. Số căn cước công dân: 046096003508

- Bà Trần Thị Thủy Á, sinh năm 996; Địa chỉ: Thôn C, xã A, thành phố H. Số căn cước công dân: 046300012739

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 16 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thủy Á đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, số: 07/2016+2018, ngày 05/6/2018 (Nay là xã A, thành phố H). Sau thời gian chung sống hạnh phúc vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp và bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2022 đến nay, không còn yêu thương, không quan tâm đến nhau nữa. Do đó, ông T, bà Á đã viết đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, để ổn định cuộc sống của mỗi bên.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà Á đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa ông T, bà Á là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà Á.

[2] Về con chung có 02 (hai) người con chung: Cháu Lê Trần Bình K, sinh ngày 20/01/2015 và cháu Lê Trần Bình K1, sinh ngày 10/10/2018.

Ông T và bà Á yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn: Giao hai cháu Lê Trần Bình K, sinh ngày 20/01/2015 và cháu Lê Trần Bình K1, sinh ngày 10/10/2018 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Á không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Á không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà Á thỏa thuận ông T nộp toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Thủy Á thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao hai cháu Lê Trần Bình K, sinh ngày 20/01/2015 và cháu Lê Trần Bình K1, sinh ngày 10/10/2018 cho ông Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà Á không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí: Ông Lê Văn T tự chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng, tại biên lai số 0000277 ngày 10/9/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Huế. ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND xã A Lưới 4, thành phố Huế;
- (ĐKKH ngày 24/3/2006).
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh